

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Cụm công
nghiệp Tân Tiến 2 - giai đoạn 1 tại ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến, huyện Đồng
Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương
làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 529/TP-PLDA
ngày 13 tháng 5 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
113/TTr-STNMT ngày 15 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành
Phương (sau đây gọi là chủ dự án; địa chỉ: đường Tôn Đức Thắng, khu phố 2,
phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước) được thực hiện các
hoạt động bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp Tân Tiến 2 - giai đoạn 1 tại
ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là
dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Cụm công nghiệp Tân Tiến 2 - giai đoạn 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú,
tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số
doanh nghiệp 3702457025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu
tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 25 tháng 4 năm 2016, đăng ký thay đổi lần

thứ 6 ngày 11 tháng 4 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3702457025.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng cụm công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 577.479,3 m².

- Công suất của hệ thống xử lý nước thải, giai đoạn 1: 550 m³/ngày.đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày ~~22~~ tháng .5. năm 2024 đến ngày ~~22~~ tháng 5. năm 2034).

Điều 4.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án nêu trên.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đồng Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Như Điều 4;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương;
- Lưu: VT_(BH-11-GPMT-17/5).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .30../GPMT-UBND
ngày 22 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Khu hạ tầng kỹ thuật 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh của trạm điều hành xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Khu hạ tầng kỹ thuật 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành cụm công nghiệp.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp (trường hợp dự án thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp không phát sinh nước thải sản xuất và có lưu lượng nước thải nhỏ hơn $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ thì các doanh nghiệp phải thực hiện xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại 05 ngăn trước khi đầu nối; trường hợp dự án thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp không phát sinh nước thải sản xuất, có lưu lượng nước thải $\geq 50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ hoặc có phát sinh nước thải sản xuất phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (trừ chỉ tiêu coliform) trước khi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp).

Nguồn số 01, 02, 03 nhập chung vào, cùng xả ra 01 điểm xả.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nhánh suối của Suối Rạt. Nước thải sau xử lý của dự án đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ($k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nhánh suối của Suối Rạt, ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Điểm xả thải phải có biển báo, có sào công tác diện tích tối thiểu là 01 m^2 và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1.262.023,199$, $Y = 567.958,670$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^015'$, múi chiều 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất của module 1: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất của module 1 là $550 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý từ module 1 của hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Tân Tiến 2 chảy ra mương quan trắc sau đó theo đường ống thoát nước thải HDPE D400 đi song song với

một đoạn tuyến thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Tân Tiến 1 và đi xuyên qua hồ điều hòa của Cụm công nghiệp Tân Tiến 1, sau đó chảy về nhánh suối của Suối Rạt (chiều dài đường ống thoát nước thải sau xử lý khoảng 590 m, trong đó đoạn từ sau hồ điều hòa đến nhánh suối của Suối Rạt khoảng 157 m) theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A ($k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$) cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, (cột A, $k_q = 0,9$ và $k_f = 1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	03 tháng/lần	Phải thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với các thông số: lưu lượng vào và ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni
2	Màu	Pt/Co	50		
3	pH	-	6 đến 9		
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	27		
5	COD	mg/l	67,5		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		
7	Asen	mg/l	0,045		
8	Thủy ngân	mg/l	0,0045		
9	Chì	mg/l	0,09		
10	Cadimi	mg/l	0,045		
11	Crom (VI)	mg/l	0,045		
12	Crom (III)	mg/l	0,18		
13	Đồng	mg/l	1,8		
14	Kẽm	mg/l	2,7		
15	Niken	mg/l	0,18		
16	Mangan	mg/l	0,45		
17	Sắt	mg/l	0,9		
18	Tổng xianua	mg/l	0,063		
19	Tổng phenol	mg/l	0,09		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
21	Sunfua	mg/l	0,18		
22	Florua	mg/l	4,5		
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
24	Tổng nitơ	mg/l	18		
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,6		
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	450		

27	Clo dư	mg/l	0,9		
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	01 lần/năm	
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,27		
30	Tổng PCB	mg/l	0,0027		
31	Coliform	vi khuẩn/ 100 ml	3000	03 tháng/lần	
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (dung tích 07 m³), kết cấu: bê tông cốt thép chống thấm, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống HDPE.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bồn tự hoại (dung tích 2000 lít), kết cấu: composite, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống HDPE.

- Nguồn số 03: Nước thải từ các nhà máy thứ cấp phải được thu gom, xử lý sơ bộ tại từng nhà máy đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (trừ chỉ tiêu coliform) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp.

Trường hợp dự án thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp không phát sinh nước thải sản xuất và có lưu lượng nước thải nhỏ hơn 50 m³/ngày thì các doanh nghiệp phải thực hiện xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại 05 ngăn trước khi đầu nối; trường hợp dự án thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp không phát sinh nước thải sản xuất, có lưu lượng nước thải ≥ 50 m³/ngày hoặc có phát sinh nước thải sản xuất phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (trừ chỉ tiêu coliform) trước khi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải của Cụm công nghiệp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Đã xây dựng module 1 của hệ thống xử lý nước thải tập trung, cụ thể như sau: Nước thải đầu vào → Mương dẫn (sọt lược rác thô) → Hồ thu gom → Thiết

bị lược rác tinh → Bể tách dầu mỡ kết hợp lắng cát → Bể điều hòa → Bể phản ứng/bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể đệm/bể trung gian → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Đường ống HDPE D400 → Đi song song với một đoạn tuyến thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Tân Tiến 1 → Đi xuyên qua hồ điều hòa của Cụm công nghiệp Tân Tiến 1 → Đường ống HDPE D400 đi song song với đường thoát nước thải của Cụm công nghiệp Tân Tiến 1 → Nguồn tiếp nhận (nhánh suối của Suối Rạt).

- Công suất thiết kế hệ thống: 550 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: H₂SO₄, NaOH, Mật rỉ đường, poly aluminium chloride, polymer anion, chloride B, Ca₂CO₃, khử màu.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) theo quy định và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024, cụ thể:

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc.
- Thông số quan trắc lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động lắp đặt: 01 bộ.
- Camera theo dõi: Phải lắp camera theo dõi, giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu phải được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố tổng dung tích thiết kế 1.170 m³ đáy hồ và thành hồ được lót HDPE, xây đá hộc.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải bằng đường ống, tránh tình trạng tắc nghẽn. Trường hợp nước thải đầu ra không đáp ứng quy định hoặc hệ thống gặp sự cố, nước thải được bơm vào hồ sự cố để lưu chứa, sau khi khắc phục, hệ thống hoạt động ổn định, chủ dự án bơm nước thải từ hồ sự cố về hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Module 1 công suất 550 m³/ngày.đêm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải giai đoạn 1, công suất thiết kế 550 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1.
- Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với chủ dự án:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ dự án phải đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, (cột A, $k_q = 0,9$ và $k_f = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và phải được

truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, chủ dự án phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, dự án được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.7. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi và chấp hành nghiêm túc các quy định phát luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng công trình thủy lợi, chủ dự án phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo quy định pháp luật.

3.8. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30./GPMT-UBND
 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Máy bơm, máy nén khí phục vụ cho khu vực trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1.262.330,226, Y = 568.165,599 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Các yêu cầu đối với chủ dự án:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông và đặt trong khu vực cách âm, từ đó giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng).

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.4. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30./GPMT-UBND
ngày 22 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Đặc tính	Đơn vị	Khối lượng
1	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	19 05 04	Lỏng	Kg/ngày	1
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	Kg/ngày	1
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	Kg/ngày	1
4	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit...)	18 01 04	Rắn	Kg/ngày	2
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	12 06 06	Bùn	Kg/ngày	250
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	Kg/ngày	0,2
7	Mực in thải chứa thành phần nguy hại	08 02 01	Rắn	Kg/ngày	0,3
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	Kg/ngày	0,2
Tổng					255,7

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải rắn thông thường	Khối lượng (kg/tháng)
1	Rác lá, cành cây	-	50
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	20
3	Các dây cáp điện hỏng, sứ cách điện cũ, rơ le hỏng	19 02 07	4
Tổng			74

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Khu vực phát sinh	Số lượng (kg/ngày)
1	Chất thải sinh hoạt	24
Tổng		24

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 30 - 120 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa: Kho lưu chứa chất thải nguy hại đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật 01 của Cụm công nghiệp có diện tích thiết kế 4 m². Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Diện tích kho: 4 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có tường bao, lợp mái, nền chống thấm, có gờ chống tràn, có dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng, bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa HDPE, mỗi thùng có nắp đậy và dán mã số chất thải nguy hại,... theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Riêng đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải: Bùn thải sau khi qua máy ép bùn được lưu chứa tại nhà đặt máy ép bùn đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật 01, diện tích 30 m², kết cấu: tường bao quanh, mái lợp tôn, nền lát xi măng, chống thấm, có gờ chống tràn và có biển cảnh báo kho chứa. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 30 - 120 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa: Kho lưu chứa chất thải rắn thông thường đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật 01 của Cụm công nghiệp có diện tích thiết kế 4 m². Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Diện tích kho: 4 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có tường bao, lợp mái, nền chống thấm, có dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy... theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.4.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 20 lít và 120 lít.

2.4.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo đúng quy định.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với chủ dự án:

1. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.



Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30./GPMT-UBND
ngày 22 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn sau của dự án (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020) mà chủ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường, bao gồm các nội dung như sau:

1. Quy mô dự án: Dự án tiếp tục hoạt động thuê đất trong Cụm công nghiệp để hoạt động sản xuất công nghiệp đa ngành, đa nghề trong khu đất có diện tích khoảng 577.479,3 m² thuộc địa bàn ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

2. Công nghệ của dự án: Vận hành, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật.

3. Các hạng mục công trình sẽ lắp đặt, thi công xây dựng:

Xây dựng thêm 03 module của trạm xử lý có công suất 550 m³/ngày.đêm/module để đáp ứng được lượng nước thải phát sinh. Giai đoạn 2 (khi lượng nước thải giai đoạn 1 đạt 85% công suất của module 1), chủ dự án phải tiến hành xây dựng module 2 công suất 550 m³/ngày đêm; giai đoạn 3 (khi lượng nước thải giai đoạn 1 đạt 100% và nước thải giai đoạn 2 đạt 85% công suất), chủ dự án phải tiến hành xây dựng module 3 công suất 550 m³/ngày đêm; giai đoạn 4 (khi lượng nước thải giai đoạn 2 đạt 100% và nước thải giai đoạn 3 đạt 85% công suất), chủ dự án phải tiến hành xây dựng module 4 công suất 550 m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Mương dẫn (sọt lược rác thô) → Hồ thu gom → Thiết bị lược rác tinh → Bể tách dầu mỡ kết hợp lắng cát → Bể điều hòa → Bể phản ứng/bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể đệm/bể trung gian → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Đường ống HDPE D400 → Đi song song với một đoạn tuyến thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Tân Tiến 1 → Đi xuyên qua hồ điều hòa của cụm công nghiệp Tân Tiến 1 → Đường ống HDPE D400 → Đi song song với đường thoát nước thải của Cụm nghiệp Tân Tiến 1 → Nguồn tiếp nhận (nhánh suối của Suối Rạt).

- Các hạng mục được dùng chung cho 03 module của trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp: Nhà ép bùn; module 1 và module 2 dùng chung hồ thu gom.

- Khi thực hiện xây dựng giai đoạn 2 của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Chủ dự án xây dựng thêm 1 hồ sơ cố với tổng dung tích hồ sơ cố 4.905,8 m³ (module 2, 3, 4 dùng chung).

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của các giai đoạn sau:

4.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom, xử lý nước thải; công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác; công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường,... đã hoàn thành ở giai đoạn 1 và sẽ được tiếp tục sử dụng ở các giai đoạn sau.

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ dự án phải đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $k_q = 0,9$ và $k_f = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

- Thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tuân thủ các quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác có liên quan.

5. Sau khi đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn 2, 3, 4 của dự án, chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về môi trường cho giai đoạn 2, 3, 4 của dự án theo đúng quy định pháp luật.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Chủ dự án phải đảm bảo nước thải sau xử lý của Cụm công nghiệp Tân Tiến 2 không được phép xả trực tiếp vào hồ điều hòa của Cụm công nghiệp Tân Tiến 1 trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

7. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

8. Có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

9. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.

10. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định tại Điều 140 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

11. Trường hợp dự án có hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thì chủ dự án phải thực hiện các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 64 Luật Khoáng sản năm 2010.

12. Thực hiện các nội dung khác đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.